

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/KDTM-ST

Ngày: 03/12/2024

V/v: Tranh chấp HĐMB hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Bằng**

**Các Hội thẩm:**

**Bà Chu Thị Kim Oanh**

**Ông Nguyễn Vũ Lâm**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án**

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên  
tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên**

Trong ngày 03/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2023/KDTM - ST ngày 19/6/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 650/2024/QĐXXST ngày 23/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 710/2024/QĐHPT ngày 12/11/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: DSOURCE LLC (Công ty PPE).**

Địa chỉ: 900 N KINGSBURY ST APT 900, CHICAGO, IL 60610, Hoa Kỳ.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Stenin Douglas Lloyd – Chức vụ: Giám đốc điều hành.

*Đại diện theo ủy quyền:* Công ty Luật TNHH ALB&PARTNERS.

Địa chỉ: Số 32 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Đinh Thanh Phương và bà Trần Thu Hương.  
Địa chỉ: Số 32 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh *(Theo Giấy ủy quyền lại ngày 19/11/2024).* (Có mặt)

**2. Bị đơn: Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A.**

Địa chỉ: Tầng 16 Tòa nhà DEAHA số 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hoàng G – Giám đốc.*

Địa chỉ: số 70C phố Kim Ngưu, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo chỉ định của Tòa án: Bà Vũ Thị Ban, sinh năm 1974 (Theo Quyết định chỉ định người đại diện theo pháp luật số 629/2024/QĐ-TKT ngày 01/10/2024).*

Địa chỉ: Số 217 phố Hoa Lâm, tổ 3, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1969.**

HKTT: Số 10 ngõ Đồng Nhân, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Số 37B Đốc Ngũ, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phan Nam, sinh năm 1982. (Có mặt)*

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Tâm Anh – Số 138B Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

*(Ông Phương, bà Hương, ông Nam có mặt; các đương sự khác vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tại Tòa án có nội dung:**

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn Dsource LLC (tên thương mại: PPE Advantage) ("**Công ty PPE**") và bị đơn Công ty TNHH Công Nghệ Và Thiết Bị Y Tế A ("**Công ty A**") có thỏa thuận Hợp Đồng Mua Bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ("**Hợp Đồng**") về việc mua bán các sản phẩm găng tay, với tổng giá trị là 3.030.300 USD (Đơn giá 74 USD/ thùng).

Thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng đã thỏa thuận, Công Ty PPE đã thanh toán cho Công Ty A tổng số tiền đặt cọc là 909.060 USD, cụ thể:

- Ngày 13/10/2020, thanh toán một phần khoản tiền đặt cọc là **199.990 USD** (vào tài khoản số 0202372015 tại Ngân hàng Citibank, N.A, Chi nhánh Hà Nội);

- Ngày 19/10/2020, thanh toán một phần khoản tiền đặt cọc là **709.070 USD** (vào tài khoản số 0202372015 tại Ngân hàng Citibank, N.A, Chi nhánh Hà Nội).

Ngày 19/10/2020, Công ty PPE và Công ty A ký kết Phụ lục hợp đồng số 02, trong đó Công ty A xác nhận đã nhận được khoản tiền đặt cọc 909.060 USD và cam kết giao hàng lô đầu tiên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền đặt cọc.

Tuy nhiên, Công Ty A đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo đúng thoả thuận cho Công Ty PPE. Do đó, **ngày 06/11/2020**, các Bên đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng với thoả thuận chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hoá số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020. Công ty A có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cọc đã nhận nhưng chưa giao hàng, sau khi trừ chi phí phát sinh (55.283 USD) là **853.777 USD** trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ký Biên bản thanh lý. Mặc dù đã thống nhất thoả thuận thanh lý hợp đồng nhưng Công Ty A vẫn không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty PPE.

Thời gian ký Hợp đồng/Biên bản thanh lý là trong đợt dịch Covid 19, các Bên chủ yếu liên hệ online để trao đổi, gửi thông tin và chốt Hợp đồng. Do thời gian ký Hợp đồng đã rất lâu, vì nhiều lý do nên Công Ty PPE cũng như Công ty A không còn lưu trữ các đoạn hội thoại, trao đổi về việc ký kết Hợp đồng mua bán và Biên bản thanh lý qua ứng dụng WhatsApp. Tuy nhiên, theo như nội dung trình bày tại Bản ý kiến ngày 14/3/2024, ông Nguyễn Tiến D – nguyên là Chủ tịch HĐQT và là người trực tiếp ký hợp đồng nêu trên đã xác nhận và không có bất kỳ ý kiến phản đối nào về việc ký kết hợp đồng và số tiền mà phía Công Ty PPE đã thanh toán đến tài khoản của Công ty A tại Citibank.

Ngoài Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020, các Bên đã thoả thuận về Hợp đồng mua bán số 03102020/HDMB/AA/PPE (*tuy nhiên, trên thực tế các Bên chưa ký kết Hợp đồng này*). Thực hiện Hợp đồng mua bán số 03102020/HDMB/AA/PPE, ngày 05/10/2020 phía Công Ty PPE đã chuyển tiền số tiền đặt cọc là 67.095 USD cho Công ty A với nội dung là “ANAN - 01102020 DEPOSIT” - Tạm dịch tiếng Việt: “ANAN - 01102020 ĐẶT CỌC” (*Theo Phiếu chuyển tiền đính kèm*). Căn cứ theo Phiếu chuyển tiền của Citibank, số tiền 66.235 USD đã được Công ty A chuyển hoàn cho DSOURCE LLC vào ngày 04/12/2020, với nội dung thanh toán là: “A TECHNOLOGY AND MEDICAL RETURN DEPOSIT OF CONTRACT NO 03102020/HDMB/AA/PPE VIA THE LIQUIDATION MINUTES DATED 5/11/2020”. Tạm dịch tiếng Việt: “CÔNG TY CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ A HOÀN TRẢ TIỀN ĐẶT CỌC THEO HỢP ĐỒNG SỐ 03102020/HDMB/AA/PPE CĂN CỨ BIÊN BẢN THANH LÝ NGÀY 5/11/2020”. Như vậy, phía Công ty A đã thừa nhận số tiền 66.235 USD là để hoàn trả cho Hợp đồng mua bán số 03102020/HDMB/AA/PPE, không liên quan đến vụ kiện này.

Do đó, trên cơ sở đối chiếu các nội dung thừa nhận của Công ty A tại Bản tự khai ngày 14/3/2024 và các nội dung trên Phiếu chuyển tiền của Citibank, Công Ty PPE cho rằng các yêu cầu của mình đối với Công ty A là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đúng theo thực tế giao dịch.

Từ những trình bày nêu trên, tại đơn khởi kiện, Công Ty PPE - nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho số tiền: **1.031.456,2 USD, tương đương 24.032.929.460<sup>1</sup>**, trong đó bao gồm:

- Khoản công nợ gốc còn lại theo Biên bản thanh lý ngày 06/11/2020: 853.777 USD, tương đương 19.893.004.100 VND;

- Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 10/11/2020 đến ngày khởi kiện 01/8/2022: 177.679,2 USD, tương đương 4.139.925.360 VND (lãi suất 12%).

Khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ được tiếp tục tính theo quy định pháp luật; không yêu cầu Công ty A thanh toán các khoản bồi thường thiệt hại/ phạt cọc.

## **2. Bị đơn Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A:**

Tại Công văn số 2656/CV-ĐKKD ngày 13/7/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội và Công văn số 20902/CCT-Ktra1 của Chi Cục thuế quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cho biết: *Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A vẫn đăng ký địa chỉ kinh doanh và nộp thuế tại Tầng 16 Tòa nhà DEAHA số 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.* Tuy nhiên, xác minh địa chỉ nêu trên thể hiện: Công ty A đã không còn hoạt động kinh doanh và đã chuyển đi nơi khác từ tháng 6/2023.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội cũng đã có thông báo, triệu tập ông Trịnh Hoàng G, hiện là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty A theo địa chỉ: Số 70C phố Kim Ngưu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nhưng ông Trịnh Hoàng G cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết vụ án.

Do đó, các văn bản tố tụng và thông báo đến Công ty A và ông Trịnh Hoàng G, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội phải tiến hành thủ tục niêm yết.

Tại Công văn số 7393/QLXNC-P3 ngày 11/4/2024, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh cho biết: *Ông Trịnh Hoàng G, HKTT tại: Số 70C phố Kim Ngưu, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội đã xuất nhập cảnh 23 lần, lần cuối xuất sử dụng hộ chiếu số C9957801 để xuất cảnh ngày 29/12/2023 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.*

Tại Quyết định số 629/2024/QĐ-TKT ngày 01/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định chỉ định bà Vũ Thị Ban, sinh năm 1974 – là thành viên góp vốn của Công ty A làm người đại diện theo pháp luật của Công ty A, với lý do: *Ông Trịnh Hoàng G, đại diện theo pháp luật của Công ty A đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam từ tháng 12/2023 đến nay, hiện Công ty không có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng.*

---

<sup>1</sup> Tỷ giá USD/ VND = 23.300.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có triệu tập và thông báo cho bà Vũ Thị Ban đến Tòa án làm việc nhưng bà Vũ Thị Ban không đến và không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Như vậy, bị đơn đã vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, đối chất, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cố tình không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày**

*Tại các bản tự khai, trình bày ý kiến của ông Nguyễn Tiến D và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến D trình bày:*

Ông Nguyễn Tiến D trước đây là cổ đông của Công ty A và là người đại diện theo pháp luật của Công ty A từ ngày 21/7/2021 đến ngày 31/10/2022. Sau đó đến ngày 09/11/2022, ông Dũng đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông Trịnh Hoàng G và ông Trịnh Hoàng G làm người đại diện theo pháp luật của Công ty A từ ngày 16/4/2021 cho đến nay.

Ngày 30/6/2020, bà Đặng Thị Ánh Sơn, lúc đó là người đại diện theo pháp luật của Công ty A đã lập giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Hồng Hạnh thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động của Công ty và quyết định, ký kết các Hợp đồng dịch vụ, mua bán hàng hóa với đối tác cũng như ký kết các hợp đồng, chứng từ về thuế, hải quan. Thời hạn ủy quyền trong vòng 01 năm kể từ ngày ký văn bản (đến ngày 30/6/2021).

Khoảng giữa tháng 10/2020, ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Hồng Hạnh có làm việc ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty “PPE Advantage” do ông Douglas Stein làm người đại diện và đối tác đã chuyển khoản số tiền **909.060 USD** vào tài khoản của Công ty A tại Ngân hàng Citi Bank. Số tiền trên được chuyển qua 02 lần:

- Lần 1: 199.990 USD vào ngày 14/10/2020.
- Lần 2: 709.070 USD vào ngày 19/10/2020.

Hợp đồng mua bán có nội dung: Công ty A cung cấp mặt hàng găng tay cao su cho Công ty PPE Advantage với số lượng hàng hóa là 40.950 thùng. Thời hạn giao hàng: 2 năm.

Cũng theo thỏa thuận: Công ty A đã thực hiện chi trả % (phần trăm) hoa hồng cho Đại lý theo chỉ định của PPE với số tiền là 55.283 USD.

Ngày 04/12/2020, Công ty A đã chuyển khoản hoàn trả cho Công ty PPE Advantage số tiền 66.235 USD, tương đương 1.538.044.565 đồng, nội dung chuyển khoản: “TT trả lại tiền thanh lý HĐ 1 cont PEE (66.235\$)”. Lý do trả lại do hàng mẫu giảm giá.

Công ty A đã giao thành công cho Công ty PPE 02 đợt hàng:

- Khoảng cuối tháng 01/2021: 1500 thùng tại Cảng Long An.
- Ngày 11/6/2021: 3.200 thùng tại Cảng Cát Lái.

Sau 02 đợt giao hàng trên, Công ty A đã chuẩn bị hàng hóa để cung cấp tiếp theo hợp đồng nhưng Công ty PPE từ chối mà không nêu lý do. Mặt khác, tại thời điểm đó giá và mặt hàng găng tay trên thị trường đã hạ giá rất nhiều nên Công ty PPE đã tìm đủ các lý do khác nhau nhằm thoái thác, từ chối không nhận hàng. Công ty A đã phải bán thanh lý toàn bộ số hàng trên vào ngày 14/12/2022. Công ty A đã bị thiệt hại rất nhiều, lỗi do bên nhập hàng do không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết.

Công Ty PPE khởi kiện Công ty A với người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Tiến D là không đúng vì hiện nay ông Dũng không còn là cổ đông và không còn quyền, nghĩa vụ liên quan đến Công ty A. Ông Trịnh Hoàng G là người đại diện theo pháp luật của Công ty A từ ngày 16/4/2021 cho đến nay. Ông Trịnh Hoàng G điều hành công ty như thế nào thì ông Dũng không biết.

#### ***4. Tại phiên toà sơ thẩm:***

**4.1** Công Ty PPE - nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Tuy nhiên, Công Ty PPE sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Về việc Công ty A trình bày đã giao thành công 4.700 thùng hàng hóa cho Công ty PPE vào cuối tháng 1/2021 và ngày 11/6/2021: Tuy Công ty A chưa cung cấp được đầy đủ các giấy tờ, tài liệu liên quan đến 4.700 thùng hàng hóa nêu trên là phát sinh trực tiếp từ Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020 hay không nhưng trên tinh thần thiện chí để giải quyết nhanh chóng vụ việc, phía Công ty PPE đồng ý về việc Công ty A đã giao tổng số thùng hàng là: 4.700 thùng (*Đơn giá: 74 USD/ thùng*) nêu trên.

Giá trị hàng hóa tạm tính mà Công ty A đã giao cho Công Ty PPE là: 4.700 thùng \* 74 USD/ thùng = 347.800 USD.

Như vậy, số tiền còn lại mà Công ty A phải trả tương ứng với số lượng hàng hóa chưa giao cho Công Ty PPE là: **853.777 USD – 347.800 USD = 505.977 USD**, tương đương **12.264.882.480 đồng** (*theo văn bản thông báo số 418/TB-NHNN ngày 02/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, 01 USD = 24.240 VND*)

- Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Công Ty PPE đề nghị mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là 9,46%/năm (*theo mức lãi suất trong hạn của Vietcombank (5,3%/năm), Agribank (8,5%/năm), BIDV (7,1%/năm)*) theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa

án nhân dân tối cao.

Tiền lãi Công ty A phải thanh toán từ ngày 12/6/2021 tạm tính đến ngày 03/12/2024 (1271 ngày) là:

**12.264.882.480 đồng x 9,46%/năm x 1271 ngày = 4.040.240.462 đồng.**

**Tổng cộng: 16.310.688.689 đồng = 12.264.882.480 đồng + 4.040.240.462 đồng.**

Khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ được tiếp tục tính theo quy định pháp luật.

4.2 Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa và không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo các quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án.

*4.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Giữ nguyên các ý kiến trình bày tại các bản trình bày gửi Tòa án. Xác nhận Công ty A và Công ty “PPE Advantage” có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020 và đối tác đã chuyển khoản số tiền 909.060 USD vào tài khoản của Công ty A tại Ngân hàng Citi Bank. Công ty A đã thực hiện chi trả % (phần trăm) hoa hồng cho Đại lý theo chỉ định của PPE với số tiền là 55.283 USD. Ngày 06/11/2020, các Bên đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng với thoả thuận chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hoá nêu trên. Công ty A có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cọc đã nhận sau khi trừ chi phí phát sinh (55.283 USD) là 853.777 USD.

Công ty A đã giao thành công cho Công ty PPE 02 đợt hàng: Khoảng cuối tháng 01/2021: 1500 thùng tại Cảng Long An. Ngày 11/6/2021: 3.200 thùng tại Cảng Cát Lái. Tổng cộng: 4.700 thùng (Đơn giá: 74 USD/thùng). Giá trị hàng hóa tạm tính mà Công ty A đã giao cho Công Ty PPE là: 4.700 thùng \* 74 USD/ thùng = 347.800 USD. Đề nghị Tòa án xem xét đối trừ để giảm một phần thiệt hại cho Công ty A.

*4.4 Đại diện Viện Kiểm sát viên VKSND tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, bị đơn cố tình vắng mặt, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi Tòa án có giấy triệu tập và lịch làm việc là tự tước bỏ các cơ hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và khiến cho vụ án bị kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Theo các tài liệu, chứng cứ và trình bày của đương sự có cơ sở xác định ngày 09/10/2020 Công ty PPE và Công ty A đã ký Hợp Đồng Mua Bán số 09102020/HDMB/AA/PPE về việc mua bán các sản phẩm găng tay. Thực hiện hợp đồng, Công ty PPE đã chuyển tiền đặt cọc cho Công ty A, tổng số tiền là **909.060 USD**. Do không thực hiện được hợp đồng nên ngày 06/11/2020, các bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng. Công ty A đã cam kết nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cọc đã nhận nhưng chưa giao hàng, sau khi trừ chi phí phát sinh (55.283 USD) là **853.777 USD**. Căn cứ khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty PPE khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán số tiền đặt cọc còn nợ trên là có căn cứ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý về việc Công ty A đã giao thành công tổng số thùng hàng là: 4.700 thùng và thanh toán số tiền 4.700 thùng \* 74 USD/ thùng = 347.800 USD. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền còn lại mà Công ty A phải trả tương ứng với số lượng hàng hóa chưa giao cho Công Ty PPE là: 853.777 USD – 347.800 USD = **505.977 USD**.

Nguyên đơn đề nghị mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là 9,46%/năm là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và có lợi cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PPE về việc buộc Công ty A phải hoàn trả số tiền đặt cọc còn nợ là **505.977 USD** và tiền lãi phát sinh.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát phát biểu, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

**Về thẩm quyền:** Vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020 giữa Công ty A và DSOURCE LLC (tên thương mại PPE Advantage) – Viết tắt là Công ty PPE, trong đó Công ty PPE là Pháp nhân được thành lập theo pháp luật Hoa Kỳ; Công ty A là

Pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam nên vụ án có một bên đương sự là pháp nhân nước ngoài.

Do Bị đơn - Công ty A có trụ sở tại số Tầng 16 Tòa nhà DEAHA số 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội nên căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**Về người tham gia tố tụng:** Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật dân sự, triệu tập hợp lệ các bên đương sự đến Tòa án lấy lời khai, tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, không nộp bản tự khai, không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ. Việc bị đơn cố tình vắng mặt, là tự tước bỏ các cơ hội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và khiến cho vụ án bị kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

## **[2] Về nội dung:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình, lời khai của nguyên đơn tại Tòa án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

### *2.1 Về việc ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa và giao dịch đặt cọc:*

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty PPE - Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án kèm theo đơn khởi kiện là Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020 giữa Công ty PPE và Công ty A (bản in) và 02 Chứng từ điện chuyển tiền về các giao dịch đặt cọc Hợp đồng. Theo trình bày của nguyên đơn, thực hiện hợp đồng Công ty PPE đã đặt cọc 02 lần cho Công ty A với tổng số tiền là **909.060 USD** vào tài khoản số 0202372015 của Công ty A tại Ngân hàng Citibank – Chi nhánh Hà Nội, cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/12/2020, Công ty PPE trực tiếp chuyển khoản thanh toán một phần tiền đặt cọc là 200.000 USD;

Lần 2: Ngày 19/10/2020, Công ty PPE (thông qua đối tác của Dsource là Công ty Wabii Branding INC) chuyển khoản thanh toán phần còn lại của tiền đặt cọc là 709.090 USD;

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thu thập, xác minh thông tin tài khoản số 0202372015 tại Ngân hàng Citibank. Tại Văn bản ngày 25/9/2023 về việc trả lời Quyết định số 665/2023/QĐ-CCTLCC ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Ngân hàng Citibank cho biết: *Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A có đăng ký tài khoản số 0202372015 tại Ngân hàng Citibank. Tại tài khoản nêu trên, Công ty A có nhận chuyển khoản số tiền 199,990 USD vào ngày*

14/10/2020 và **709.070 USD** vào ngày 19/10/2020.

- Tại Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 19/10/2020 của Hợp đồng thể hiện, Công ty A xác nhận đã nhận được khoản tiền đặt cọc 909.060 USD và cam kết giao hàng lô đầu tiên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền đặt cọc.

- Ông Nguyễn Tiến D trước đây là cổ đông của Công ty A và là người đại diện của Công ty A thực hiện các công việc liên quan đến ký kết các Hợp đồng dịch vụ, mua bán hàng hóa với đối tác xác nhận: “*Khoảng giữa tháng 10/2020, ông Nguyễn Tiến D và bà Đỗ Hồng Hạnh có làm việc ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty “PPE Advantage” do ông Douglas Stein làm người đại diện và đối tác đã chuyển khoản số tiền **909.060 USD** vào tài khoản của Công ty A tại Ngân hàng Citi Bank...*” Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến D cũng xác nhận những nội dung nêu trên.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và trình bày của các đương sự có cơ sở xác định giữa Công Ty PPE và Công ty A có thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020 về việc mua bán các sản phẩm gang tay và đã có những giao dịch thực tế chuyển tiền ngày 14/10/2020 và ngày 19/10/2020, với tổng số tiền đặt cọc **909.060 USD** như trình bày của Công ty PPE.

## 2.2 Về biên bản thanh lý Hợp đồng ngày 06/11/2020

- Theo trình bày của nguyên đơn: Sau khi ký kết Hợp Đồng cũng như nhận được tiền đặt cọc, Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hoá số 09102020/HDMB/AA/PPE cho Công ty PPE. Công ty PPE đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty A giao hàng theo đúng thời hạn thỏa thuận nhưng Công ty A vẫn không thể thực hiện nghĩa vụ giao hàng của mình. Do đó, ngày 06/11/2020, các Bên đã ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng với thỏa thuận chấm dứt thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hoá số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020.

- Tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 06/11/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Biên bản thanh lý được soạn thảo bằng tiếng Anh, có chữ ký đóng dấu xác nhận của Công ty A và Công ty PPE. Công ty A xác nhận đã nhận đủ số tiền đặt cọc 909.060 USD và có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cọc đã nhận, sau khi trừ chi phí hoa hồng (55.283 USD) là 853.777 USD trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày Ngân hàng xác nhận rằng tất cả các tài liệu đã sẵn sàng để tiến hành hoàn tiền.

- Tại Bản tự khai và Bản trình bày ý kiến ngày 14/3/2024, ông Nguyễn Tiến D trình bày không nhớ việc có ký kết Biên bản thanh lý ngày 06/11/2020 hay không nhưng có trình bày và đề nghị đối trừ số tiền Công ty A đã thực hiện chi trả % hoa hồng cho Đại lý theo chỉ định của Công ty PPE số tiền là 55.283 USD. Trình bày trên là phù hợp với nội dung về số tiền đối trừ chi phí hoa hồng (55.283

USD) tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 06/11/2020. Đồng thời, Công ty A không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các bên có gia hạn thực hiện hợp đồng hay không? Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến D đã xác nhận việc ký kết Biên bản thanh lý ngày 06/11/2020 và Công ty A đã nhận đủ số tiền đặt cọc 909.060 USD, sau khi trừ chi phí hoa hồng 55.283 USD thì còn phải hoàn trả lại tiền cọc đã nhận là 853.777 USD.

Như vậy, có cơ sở xác định ngày 06/11/2020 Công ty A và Công ty PPE đã có thỏa thuận tiến hành thanh lý và chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hoá số 09102020/HDMB/AA/PPE. Theo đó, Công ty A phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cọc đã nhận, sau khi trừ chi phí hoa hồng 55.283 USD thì số tiền phải thanh toán là 853.777 USD. Căn cứ khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty PPE khởi kiện yêu cầu Công ty A phải thanh toán số tiền đặt cọc còn nợ trên là có căn cứ.

Trong vụ án này hội đồng xét xử cũng áp dụng nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015: “Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”. Do đó, khi giao kết dân sự các bên phải có nghĩa vụ trung thực thiện chí với bên còn lại. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng nguyên tắc này để đảm bảo **lẽ công bằng** cho các chủ thể tham gia sau ký kết giao dịch dân sự trong trường hợp một bên không tuân thủ theo quy định của pháp luật, không thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp không thực hiện giao hàng thì phải hoàn lại tiền đặt cọc theo đúng cam kết.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên, tại Công văn số 334/2023/CV-TA ngày 08/12/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Hà Nội để điều tra làm rõ có dấu hiệu phạm tội hay không? Trong đó đã đề nghị điều tra:

- Hành vi cố tình chiếm đoạt số tiền là 853.777 USD của Công ty PPE đối với ông Nguyễn Tiến D và những thành viên góp vốn của Công ty A.

- Trường hợp các cá nhân, tổ chức trên phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/01/2024, Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an thành phố Hà Nội đã có văn bản số 3266/PC-CSKT-Đ7 chuyển lại hồ sơ để Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền.

### *2.3 Về tổng số tiền phải thanh toán theo yêu cầu khởi kiện của Công ty PPE*

- Theo trình bày của ông Nguyễn Tiến D, Công ty A đã hoàn trả cho Công ty PPE số tiền là 1.538.044.565 đồng, nội dung chuyển khoản: *TT trả lại tiền thanh lý HĐ 1 cont PPE (66.235 USD)*. Lý do trả lại hàng thanh lý 1 Container hàng mẫu

giảm giá.

*Hội đồng xét xử nhận thấy:* Ngoài đặt cọc cho Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020, Công ty PPE còn đặt cọc cho Hợp đồng mua bán số 03102020/HDMB/AA/PPE ngày 03/10/2020 số tiền là 67.095 USD. Ngày 04/12/2020, Công ty A đã chuyển hoàn lại cho Công ty PPE số tiền 66.235 USD. Tại phiếu chuyển tiền của Citibank vào ngày 04/12/2020 thể hiện với nội dung thanh toán là: “A TECHNOLOGY AND MEDICAL RETURN DEPOSIT OF CONTRACT NO 03102020/HDMB/AA/PPE VIA THE LIQUIDATION MINUTES DATED 5/11/2020”. Tạm dịch tiếng Việt: “CÔNG TY CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ A HOÀN TRẢ TIỀN ĐẶT CỌC THEO HỢP ĐỒNG SỐ 03102020/HDMB/AA/PPE CĂN CỨ BIÊN BẢN THANH LÝ NGÀY 5/11/2020”. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền 66.235 USD là để hoàn trả cho Hợp đồng mua bán số 03102020/HDMB/AA/PPE, không liên quan đến Hợp đồng mua bán số 09102020/HDMB/AA/PPE ngày 09/10/2020.

- Về việc Công ty A trình bày đã giao thành công 4.700 thùng hàng hóa (tương đương  $4.700 \text{ thùng} \times 74 \text{ USD/thùng} = 347.800 \text{ USD}$ ) cho Công ty PPE vào cuối tháng 1/2021 và ngày 11/6/2021:

Tại Bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý về việc Công ty A đã giao thành công tổng số thùng hàng là: 4.700 thùng và thanh toán số tiền  $4.700 \text{ thùng} \times 74 \text{ USD/thùng} = 347.800 \text{ USD}$ . Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền còn lại mà Công ty A phải trả tương ứng với số lượng hàng hóa chưa giao cho Công Ty PPE là:

$853.777 \text{ USD} - 347.800 \text{ USD} = 505.977 \text{ USD}$ , tương đương **12.264.882.480 đồng** (theo văn bản thông báo số 418/TB-NHNN ngày 02/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, 01 USD = 24.240 VND)

Số tiền phải thanh toán trên phù hợp với xác nhận của ông Nguyễn Tiến D tại cơ quan điều tra, Công ty A còn nợ Công ty PPE số tiền đặt cọc là 509.835 USD.

- Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công Ty PPE sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả, cụ thể:

Đề nghị mức lãi suất chậm trả là mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là 9,46%/năm (theo mức lãi suất của Vietcombank 5,3%/năm, quá hạn 7,95%/năm; Agribank 8,5%/năm, quá hạn 9,775%/năm; BIDV 7,1%/năm, quá hạn 10,65%/năm) theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết 01 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tiền lãi Công ty A phải thanh toán từ ngày 12/6/2021 tạm tính đến ngày 03/12/2024 (1271 ngày) là:

**12.264.882.480 đồng x 9,46%/năm x 1271 ngày = 4.040.240.462 đồng.**

**Tổng cộng: 16.305.122.942 đồng = 12.264.882.480 đồng + 4.040.240.462 đồng.**

Khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ được tiếp tục tính theo quy định pháp luật.

*Hội đồng xét xử nhận thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và xác nhận của các bên, ngày 11/6/2021 Công ty A đã giao thành công lô hàng thứ hai, sau đó không giao nữa. Do đó, Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng và nghĩa vụ hoàn tiền đặt cọc từ ngày 12/6/2021. Công Ty PPE sửa đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị tính lãi chậm trả từ ngày 12/6/2021 là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận.

- Về mức lãi suất: Nguyên đơn đề nghị mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng Vietcombank (7,95%/năm), Agribank (9,775%/năm), BIDV (10,65%/năm)) là 9,46%/năm là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại và Nghị quyết 01 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và có lợi cho bị đơn, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi Công ty A phải thanh toán từ ngày 12/6/2021 tạm tính đến ngày 03/12/2024 (1271 ngày) là:

**12.264.882.480 đồng x 9,46%/năm x 1271 ngày = 4.040.240.462 đồng.**

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PPE về việc buộc Công ty A phải hoàn trả số tiền đặt cọc còn nợ là **16.305.122.942 đồng**, trong đó: Tiền nợ gốc: **12.270.448.227 đồng** và tiền lãi: **4.040.240.462 đồng**.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

#### **[4] Về án phí:**

Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**Từ những nhận định trên,**

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản

2 Điều 94, Điều 96, khoản 1 Điều 232, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 3 Điều 192, Điều 200, Điều 266, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 3, Khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 24, Điều 297, Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của DSOURCE LLC (Công ty PPE) đối với Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A.**

Buộc Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A phải trả cho **DSOURCE LLC (Công ty PPE)** số tiền nợ gốc **505.977 USD**, tương đương **12.264.882.480 đồng** (theo văn bản thông báo số 418/TB-NHNN ngày 02/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ, 01 USD = 24.240 VND); và tiền lãi: **4.040.240.462 đồng. Tổng cộng: 16.305.122.942 đồng** (Mười sáu tỷ ba trăm linh năm triệu một trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, người phải thi hành án còn tiếp tục phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

### **2. Về án phí:**

Công ty TNHH công nghệ và thiết bị y tế A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **124.305.123 đồng** (Một trăm hai mươi bốn triệu ba trăm linh năm nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Hoàn trả **DSOURCE LLC (Công ty PPE)** số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp **66.000.000 đồng** (Sáu mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001711 ngày 30/5/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

của Luật Thi hành án dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Lưu: VT - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đức Bằng**